TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2017
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐĂK LĂK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tý.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25A/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1988. Có mặt.
Trú tại: Thôn A, xã E, huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Đặng Quang T1, sinh năm 1988. Vắng mặt.
Trú tại: Đường N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Quang T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2013 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn với nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 6/2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T1 đi làm ăn xa có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ

con. Chị T và hai bên gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Đặng Thị Bảo Y, sinh ngày 23/6/2013. Hiện cháu đang ở cùng với chị.

Khi ly hôn nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T và anh T1 không vay nợ ai, cũng không ai vay nợ gì của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Đặng Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; 97; 196; 203; 220 của BLTTDS 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Bảo Y cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đặng Quang T1. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn anh Đặng Quang T1 hiện đang trú tại: đường N, thị trấn B, huyện K, Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Đặng Quang T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Đặng Quang T1 vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/01/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T1 đi làm ăn xa có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Chị T và hai bên gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T1, chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế không có sự thống nhất, mỗi người tự lo làm ăn riêng. Anh T1 đi làm ăn kinh tế một mình, không quan tâm chăm sóc vợ con và có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, tính tình lăng nhăng. Anh T1 và chị T đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng anh T1, chị T đã kéo dài và rất trầm trọng, không thể khắc phục được.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay, chị T đã cương quyết xin ly hôn với anh T1 vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Đặng Thị Bảo Y, sinh ngày 23/6/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Xét thấy hiện nay cháu Y còn nhỏ, cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ hơn, hiện nay cháu đang ở cùng với mẹ nên cần giao cháu Y cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Y đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Đặng Quang T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Thị Bảo Y, sinh ngày 23/6/2013 cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Y đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Anh Đặng Quang T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác định không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp tại biên lai số 0040450 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt B, h. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Minh